

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆC LÀM QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆC LÀM QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL WORK GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GWORK

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110796507

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 ngõ 70 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02463258077

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn<br>Chi tiết: In ấn thẻ thông minh                                                                                                                                                                                 | 1811        |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới)                                                                                                                 | 2610        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông: Đại lý dịch vụ viễn thông cho các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông được phép hoạt động tại Việt Nam; - Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) | 4610        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4741(Chính) |
| 7.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thẻ nhớ                                                                                                                                    | 4773        |
| 8.  | Xuất bản phần mềm<br>Trừ hoạt động xuất bản phẩm                                                                                                                                                                        | 5820        |
| 9.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet)                                          | 6190        |
| 10. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo quy định tại Khoản 3 Nghị định 72/2013/ND-CP sửa đổi bởi Nghị định 13/2018/ND-CP                                                     | 6201        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; | 6209 |
| 13. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm                                                                                                                                         | 7810 |
| 14. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7820 |
| 15. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                 | 6622 |
| 16. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 17. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;<br>Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                                                                                        | 7830 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                | 8299 |
| 19. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                               | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN TẬP<br>ĐOÀN CÔNG<br>NGHỆ<br>VIETSENS | Số 36, ngõ 89,<br>đường Lạc Long<br>Quân, Phường<br>Nghĩa Đô, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 50,000       | 0101858235                                                                                                             |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHAN<br>PHƯƠNG<br>NGUYỄN                                | 16-BT2 KDT Văn<br>Quán Yên Phúc,<br>Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 450.000       | 4.500.000.000            | 45,000       | 0440730000<br>09                                                                                                       |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  | Tổng số                            | 450.000       | 4.500.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

